

# Evergreen Valley High School

## 2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



### Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

#### Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

#### Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

<b>Tên Trường</b>	Evergreen Valley High School (Trung học Phổ thông Evergreen)
<b>Đường</b>	3300 Quimby Avenue
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip</b>	San Jose, CA, 95148
<b>Số điện thoại</b>	408-347-7000
<b>Hiệu trưởng</b>	Kyle Kleckner
<b>Địa chỉ Email</b>	KlecknerK@esuhsd.org
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="https://evergreenvalleyhigh.esuhsd.org/">https://evergreenvalleyhigh.esuhsd.org/</a>
<b>Mã Học khu của Quận (CDS)</b>	43694274330692

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

<b>Tên Học khu</b>	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
<b>Số điện thoại</b>	(408) 347-5000
<b>Giám đốc</b>	Glenn Vander Zee
<b>Địa chỉ Email</b>	VanderZeeg@esuhsd.org
<b>Website Học khu</b>	www.esuhsd.org

## Tổng quan trường học năm học 2022-23

Chào mừng đến với Evergreen Valley High School – Ngôi nhà của các chú báo sư tử! Tại Evergreen Valley High School (EVHS), chúng tôi muốn tất cả học sinh đều cảm nhận được sự thân thuộc và đạt được thành công tại trường học. Một trải nghiệm trung học phổ thông trọn vẹn đang chờ đón tất cả các em học sinh. Học sinh EVHS tràn đầy NỘI LỰC! Học sinh và phụ huynh đều tự hào với danh tiếng của trường là một trường có bề dày thành tích và chương trình học thách thức. Học sinh được chuẩn bị để vững bước trên hành trình bốn năm ở mọi trường đại học trên cả nước. Bản sắc của trường là chương trình học đầy thách thức và khát khe cùng nhiều đội thể thao và hơn 100 câu lạc bộ học sinh và tổ chức phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giáo viên với trình độ chuyên môn cao hợp tác chặt chẽ với nhau để đảm bảo tất cả học sinh đều khai phá tiềm năng lớn nhất của mình. Nhà trường có 25 khóa học Bồi dưỡng Nâng cao (AP) ở tất cả lĩnh vực môn học cốt lõi và một Computer Science Academy (Học viện Khoa học máy tính) chuyên biệt. Chương trình học của bộ phận biểu diễn nghệ thuật bao gồm kịch nghệ, hợp xướng, cảm thụ âm nhạc, đàn guitar, dàn nhạc và ban nhạc nâng cao. Chương trình ngoại ngữ của chúng tôi có dạy Tiếng Việt, Tiếng Quan Thoại, Tiếng Pháp và Tiếng Tây Ban Nha.-----

## Giới thiệu về Trường

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	674
Lớp 10	728
Lớp 11	739
Lớp 12	755
Tổng Ghi danh	2,896

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	48.9
Nam	51.1
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.0
Người gốc Châu Á	72.4
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.8
Người Phi Luật Tân	5.7
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	14.1
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.4
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.7
Người Da trắng	4.0
Sinh viên nói tiếng anh	6.3
Những đứa con nuôi	0.1
Vô gia cư	0.5
Nhập cư	0.1
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	17.9
Học sinh khuyết tật	5.1

## A. Điều kiện Học tập

### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	106.20	95.75	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1.50	1.35	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.60	0.54	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.30	1.22	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	1.20	1.14	60.90	5.39	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>110.90</b>	<b>100.00</b>	<b>1131.80</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	
Bổ nhiệm sai	0.60	
Các vị trí còn trống	0.00	
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai</b>	<b>0.60</b>	

## Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	1.00	
Tùy chọn phân công nội bộ	0.30	
<b>Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn</b>	<b>1.30</b>	

## Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	4.00	
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	12.30	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

## Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Evergreen Valley High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

November 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
<b>Độc/Ngôn ngữ</b>	Tiếng Anh 1 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 10, McDougal Littell 2002	Có	0%

	<p>Tiếng Anh 3 – Góc nhìn của tôi: Văn học Mỹ//Pearson ERWC – Khoá Đọc Viết Văn thuyết minh 2021 AP Thành phần và Ngôn ngữ – Đọc giả Norton AP Thành phần và Ngôn ngữ – Nhập môn Văn học</p>		
<b>Toán</b>	<p>Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp I”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 2 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp II”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 3 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp III”, Big Ideas Learning, LLC 2016 Giải tích Toán học – “Giải tích sơ bộ với các giới hạn, Một cách tiếp cận bằng đồ thị 8e” Cengage Learning 2020, 2015 AP Giải tích AB – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Giải tích BC – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Số Liệu Thống Kê – Luyện tập Số liệu Thống kê, Bản cập nhật lần thứ 6: BFW; 2020 Khám phá Khoa học máy tính – ECS: Khám phá Khoa học máy tính; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP Khoa học máy tính Căn Bản – Tài liệu trực tuyến AP Khoa học máy tính A – Tài liệu trực tuyến Suy luận Toán học qua Các mối quan hệ – tài liệu về MRWC do trường Đại học Tiểu bang California (CSU) cung cấp</p>	Có	0%
<b>Khoa học</b>	<p>Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – Trái đất Sống – Sách điện tử CK-12 NGSS Hóa học trong Hệ thống Trái đất – Sách điện tử CK-12 NGSS Vật lý Vũ trụ – Sách điện tử CK-12 Sinh lý học – Giải phẫu và Sinh lý học căn bản của Hole, McGraw Hill, 2002 Khoa học Pháp y – Giới thiệu thực hành về khoa học pháp y, 2014 AP Sinh học – Campbell AP Sinh học qua lăng kính, ấn bản thứ nhất – Prentice Hall 2004 AP Hóa học – Hóa học – bộ môn Khoa học Trung tâm – Brown &amp; Lemay AP Vật lý 1 và 2 – Vật lý AP – Cutnell and Johnson, Wiley 2012 AP Khoa học Môi trường – Sống trong Môi trường – Miller/Spoonman – Cengage 2015 AP Vật lý C – Vật lý hiện đại (MOD) cho các Nhà khoa học và Kỹ sư – Knight/Pearson 2013 Trái đất sống Cơ bản – Sách điện tử CK-12 Khoa học Vật lý Cơ bản – Sách điện tử CK-12</p>	Có	0%
<b>Lịch sử-Khoa học Xã hội</b>	<p>Lịch sử Thế giới – “Lịch Sử Thế Giới Hiện Đại” McDougal-Littell 2003 Lịch sử Mỹ – “Tầm nhìn nước Mỹ” Glencoe/McGraw Hill 2006 Chính quyền Hoa kỳ – “Chính phủ đang sống! Quyền lực, Chính trị và Quý vị” TCI 2014 Kinh tế học – “Kinh tế học đang sống! Quyền được chọn” TCI 2015</p>	Có	0%

	AP Lịch sử Thế giới – “Trái đất và Con người Phiên bản AP” Cengage Learning 2018 AP Lịch sử Mỹ – “Lịch sử Mỹ cho Khóa học AP” Bedford 2014 AP Chính phủ – “Chính phủ ở nước Mỹ” Pearson Learning 2014 AP Kinh tế Vĩ mô/Vi mô – “Kinh tế học (AP)” McGraw Hill 2014 AP Địa lý Con người – “Địa lý Con người cho Khóa học AP” 2022 AP Tâm lý học – “Tâm lý học AP” Worth 2015 Địa lý Thế giới – “Địa lý đang sống!” TCI 2011		
<b>Ngoại ngữ</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Giáo dục Sức khỏe</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)</b>	Phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ	Có	0%

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

### Tổng quan

Học khu nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Để hỗ trợ nỗ lực này, Học khu sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất được State of California Office of Public School Construction (Văn phòng Xây dựng trường công lập của Tiểu bang California) xây dựng. Kết quả của cuộc khảo sát có sẵn ở văn phòng nhà trường và văn phòng học khu.

### Thời gian đi vào hoạt động của các tòa nhà trong trường

Dù cơ sở chính của nhà trường được xây vào năm 2002, tòa nhà mới (P) có bổ sung các phòng thí nghiệm khoa học được xây vào năm 2006. Các tòa nhà di động đã được bổ sung để đáp ứng số lượng cư dân ngày càng tăng ở cộng đồng Evergreen Valley. Ngoài ra, một lối đi bộ lớn, mới khác được xây dựng năm 2013 để đáp ứng nhu cầu cần lối đi bộ lớn hơn cho học sinh ở bên trong khuôn viên trường. Sân bóng bầu dục được trải lớp đất cỏ vào năm 2012 để các vận động viên của chúng ta có một sân bóng an toàn hơn. Sân tennis và sân bóng rổ ngoài trời được lát lại vào năm 2015 – 2016. Kể từ năm 2002, các tòa nhà và cơ sở vật chất đều bị hao mòn. Theo thời gian, cảnh quan xung quanh khuôn viên trường đã được nâng cấp với các loại cây bản địa, chịu hạn của California. EVHS đã giảm đáng kể việc sử dụng nước, phù hợp với những nỗ lực bảo tồn nước của California. Việc cải tạo các phòng thí nghiệm khoa học và nhà tắm hoàn thiện vào mùa hè năm 2017. Phòng học P1 – P12 được cải tạo vào mùa hè năm 2015. EVHS là một phần của Dự luật Công khổ phiếu Z và Ủy ban Cơ sở Nhà trường đã ưu tiên nhiều dự án quanh khuôn viên nhà trường để cải thiện trải nghiệm của học sinh. EVHS hiện đang gần hoàn thiện tòa nhà Student Union (Hội Học sinh) mới. Tòa nhà mới này sẽ có căng-tin và máy chủ mới, phòng họp và phòng học cho học sinh, văn phòng cố vấn mới cùng Mental Health & Wellness Center (Trung tâm Sức khỏe Tâm thần và Sức khỏe chung) đầu tiên của Evergreen Valley (EV). Việc xây dựng dự kiến hoàn thành vào tháng Mười Hai năm 2022.

### Quy trình và Lịch Vệ sinh

Hội đồng Chương quản của học khu đã thông qua tiêu chuẩn vệ sinh cho toàn bộ trường học trong học khu. Hàng ngày, bộ phận Quản trị trường học làm việc với nhân viên giám hộ để xây dựng lịch vệ sinh nhằm bảo đảm giữ gìn vệ sinh và an toàn cho trường học.

### Ngân sách Bảo trì Trì hoãn

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Học khu tham gia Chương trình Bảo trì Trì hoãn cho Trường học của Tiểu bang, cấp quỹ đối ứng cấp tiểu bang trên cơ sở từng đồng, để hỗ trợ chi phí cho các học khu bảo trì hoặc thay mới đáng kể các cấu phần của tòa nhà trong trường hiện có. Thông thường, điều này bao gồm phần mái nhà, hệ thống ống nước, sửa ấm, điều hoà không khí, điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn nhà.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng Tám năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốt độ Tốt	Tốt độ Bình thườ ng	Tốt độ Khôn g Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong			X	Gạch trần nhà bị hư hại ở một vài lớp học, cơ sở đang khắc phục vấn đề. Nhiều không gian khoa học bừa bộn và không thể dùng; đang thực hiện vệ sinh mùa hè, tôi nghĩ đó là lý do chính cho tình trạng trên, nhưng đó là hiện trạng ở cơ sở nhà trường.
<b>Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm		X		Các bảng điện bị chặn ở một số không gian, cơ sở đã khắc phục vấn đề. 2 phòng điện được sử dụng làm kho chứa, cơ sở đã khắc phục vấn đề.
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

## Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		



## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

#### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**  
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

#### Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

#### Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

## Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	85	Không có thông tin	58	Không có thông tin	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	66	Không có thông tin	34	Không có thông tin	33

## 2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	728	680	93.41	6.59	85.44
<b>Nữ</b>	360	331	91.94	8.06	89.43
<b>Nam</b>	368	349	94.84	5.16	81.66
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	528	509	96.40	3.60	90.96
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	43	38	88.37	11.63	78.95
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	102	85	83.33	16.67	56.47
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	15	12	80.00	20.00	91.67
<b>Người Da trắng</b>	34	30	88.24	11.76	83.33
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	34	30	88.24	11.76	16.67
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	91	76	83.52	16.48	65.79
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	36	28	77.78	22.22	17.86

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	728	685	94.09	5.91	66.42
<b>Nữ</b>	360	335	93.06	6.94	65.97
<b>Nam</b>	368	350	95.11	4.89	66.86
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	528	509	96.40	3.60	77.01
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	43	38	88.37	11.63	36.84
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	102	90	88.24	11.76	22.22
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	15	12	80.00	20.00	83.33
<b>Người Da trắng</b>	34	30	88.24	11.76	63.33
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	34	29	85.29	14.71	10.34
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	91	78	85.71	14.29	35.90
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	36	28	77.78	22.22	14.29

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	67.35	NT	37.64	28.5	29.47

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	1467	1119	76.28	23.72	67.35
<b>Nữ</b>	704	527	74.86	25.14	67.3
<b>Nam</b>	762	592	77.69	22.31	67.4
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	1083	854	78.86	21.14	74.91
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	90	69	76.67	23.33	49.28
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	183	122	66.67	33.33	26.23
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc</b>	35	23	65.71	34.29	73.91
<b>Người Da trắng</b>	60	41	68.33	31.67	70.73
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	49	42	85.71	14.29	2.38
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--	--	--
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	188	136	72.34	27.66	39.71
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	51	38	74.51	25.49	13.16

## Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2021 – 2022

Trường trung học phổ thông chúng tôi mang đến các khóa học để hỗ trợ học sinh sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp. Các khóa giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE) dành cho tất cả học sinh, nhưng số lượng có hạn. Nhiều học sinh của chúng tôi được quyền tiếp cận SVCTE (Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp của Silicon Valley) trong phạm vi chương trình học của các em.

Công nghệ Thông tin Máy tính, Cơ sở dữ liệu/lập trình Ngôn ngữ truy vấn mang tính cấu trúc (SQL), Thiết kế công nghệ web là các khóa CTE được nhà trường cung cấp.

## Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2021 – 2022

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	559
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	92.9
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

## Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2021 – 2022 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	98.10
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2020 – 2021 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	70.03

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

## Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

### Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	95%	97%	97%	96%	97%

## C. Tham Gia

## Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

### Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng là yếu tố then chốt để học sinh có thể đạt thành tích tốt. Vì vậy, Evergreen Valley High School mang đến một số cơ hội tham gia cho phụ huynh. Hội đồng Cơ sở Nhà trường hoạt động tích cực và tổ chức họp hàng tháng. Các tổ chức phụ huynh khác bao gồm Hội Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSA), EVHS Speech & Debate Boosters (Khích lệ Ngôn luận & Tranh biện EVHS), Band Boosters Club (Câu lạc bộ Khích lệ Ban nhạc) và Latino Parent Coalition (Liên minh Phụ huynh gốc Latinh). Để hỗ trợ phụ huynh, Evergreen Valley tổ chức nhiều đêm thông tin phụ huynh, bao gồm nhưng không giới hạn ở, buổi Định hướng Phụ huynh có con học lớp 9, Đêm chia sẻ thông tin Hỗ trợ Tài chính và đêm thông tin cho phụ huynh từng khối lớp do bộ phận cố vấn tổ chức. Nội dung những buổi hội thảo này bao gồm chủ đề như chương trình AP, thông tin về trường đại học, hỗ trợ tài chính, tốt nghiệp, trạng thái A – G và Spartan Promise (Lời hứa Spartan) của San Jose State University (Đại học Tiểu bang San Jose). EVHS cũng tổ chức trung tâm dành cho phụ huynh, có nhân viên là chuyên viên cộng đồng và phụ huynh làm toàn thời gian. PTSA ở EVHS tích cực hoạt động, tổ chức hai sự kiện gia đình/cộng đồng hàng năm – Dandiya and Fiesta Forever (Dandiya và Fiesta Mãi mãi).

Canvas giúp phụ huynh có thể nắm ngay tình hình điểm, điểm bài kiểm tra và điểm chuyên cần của con em mình, đồng thời cho phép liên lạc trực tiếp với giáo viên qua email. Giáo viên có thể gửi tin nhắn qua điện thoại bằng ngôn ngữ học sinh dùng ở nhà. Tin nhắn tự động, cho toàn trường hoặc có mục tiêu, đều được gửi về nhà thường xuyên. EVHS có một Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng làm việc toàn thời gian để hỗ trợ phụ huynh và khuyến khích phụ huynh tham gia vào việc học tập của con em mình.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Nếu quý vị có muốn tham gia bất kỳ chương trình nào ở đây hoặc muốn nhận thêm thông tin, vui lòng gọi cho Evergreen Valley theo số điện thoại chính (408) 347-7000.

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học		0.8	0.8		14.5	13.6		8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp		96.5	98.1		78.4	81.5		84.2	87



## Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
<b>Bất kỳ học sinh</b>	753	739	98.1
<b>Nữ</b>	350	343	98.0
<b>Nam</b>	402	395	98.3
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0.0
<b>Người gốc Châu Á</b>	561	554	98.8
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	48	47	97.9
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	84	79	94.0
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc</b>	20	20	100.0
<b>Người Da trắng</b>	29	28	96.6
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	58	54	93.1
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	--	--	--
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	186	179	96.2
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho</b>	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	30	22	73.3

## Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	2942	2927	304	10.4
Nữ	1436	1429	170	11.9
Nam	1505	1497	134	9.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	1	100.0
Người gốc Châu Á	2116	2112	121	5.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	22	22	4	18.2
Người Phi Luật Tân	166	165	18	10.9
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	425	417	129	30.9
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	12	11	4	36.4
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	80	80	10	12.5
Người Da trắng	120	119	17	14.3
Sinh viên nói tiếng anh	191	189	32	16.9
Những đứa con nuôi	2	2	0	0.0
Vô gia cư	20	18	11	61.1
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	571	563	128	22.7
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	4	4	0	0.0
Học sinh khuyết tật	156	152	42	27.6

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

## Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	0.92	2.87	2.45
Đuổi học	0.03	0.03	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	1.05	0.03	3.41	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.08	0.00	0.07

## Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	1.05	0.00
Nữ	1.32	0.00
Nam	0.80	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.33	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	4.55	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	4.71	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	1.25	0.00
Người Da trắng	1.67	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	4.19	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	5.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	3.33	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	9.62	0.00

## Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Kế hoạch An toàn Nhà trường Evergreen Valley được Hội đồng Cơ sở Trường học tái xét và phê duyệt lần gần nhất vào ngày 8 tháng Ba năm 2022. Ủy ban an toàn họp thường xuyên để cập nhật kế hoạch và đánh giá tiến độ.

Kế hoạch an toàn của Evergreen Valley chi tiết, toàn diện, nêu rõ giao thức, hệ thống và quy trình trong trường học xảy ra khẩn cấp. Kế hoạch cũng bao gồm những mục tiêu an toàn hàng năm do học sinh, nhân viên và phụ huynh xác định. Kế hoạch An toàn được Ủy ban An toàn Evergreen Valley thiết kế, được Hội đồng Cơ sở Trường học xem xét và phê duyệt, do Ủy ban An toàn Học khu tái xét trước khi được trình lên cho Hội đồng Chương quản East Side Union High School District thông qua. Kế hoạch An toàn và quy trình diễn tập được tái xét trong năm học với toàn bộ nhân viên. Trong suốt năm học, cảnh báo an toàn được chia sẻ với toàn bộ nhân viên khi cần. Ngoài ra, mọi buổi diễn tập bắt buộc đều được lên lịch và triển khai, đồng thời kết quả được thông báo cho toàn thể nhân viên.

Kế hoạch An toàn Cơ sở Evergreen Valley High School bao gồm:

Chính sách hành vi

Quy tắc và quy định

Quy trình diễn tập an toàn/khẩn cấp

Chính sách chuyên cần

Quy trình giới thiệu

Mục tiêu an toàn

Mối quan hệ đối tác với các cơ quan cộng đồng như New Hope for Youth and City Peace Project (Dự án Hy vọng mới cho Thanh thiếu niên và Thành phố), City of San Jose (Thành phố San Jose), San Jose Police Department (Sở Cảnh sát San Jose) và các cơ quan, nhóm cung cấp những dịch vụ hỗ trợ khác

Đội đặc trách an toàn

Dịch vụ Hỗ trợ Học sinh

-----

## 2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	28	12	97	1
Toán	30	8	55	29
Khoa học	30	6	65	22
Khoa học Xã hội	28	14	61	23

## 2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	28	12	100	
Toán	30	6	67	20
Khoa học	31	4	56	32
Khoa học Xã hội	30	7	52	35

## 2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	17	91	
Toán	29	10	68	14
Khoa học	30	6	72	15
Khoa học Xã hội	29	11	63	19

## Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	413.71

## Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	7.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.4
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	2.0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	10.0

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$8,815	\$1,839	\$6,976	\$100,070
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,916	\$100,753
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-12.6	-0.7
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$94,126
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	5.6	6.1

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Evergreen Valley High School cung cấp đa dạng các dịch vụ hỗ trợ học sinh. Có các khóa học “hội nhập” Tiếng Anh, Toán, Khoa học và Khoa học Xã hội, được thiết kế đặc biệt cho Học viên Tiếng Anh khối 9, 10. EVHS cũng có các lớp Phát triển Trình độ Anh ngữ (ELD) cho học sinh là Học viên Tiếng Anh có thể cần thêm sự giúp đỡ. EVHS có Giáo viên toàn thời gian thuộc Hệ thống Hỗ trợ Đa tầng (MTSS) chuyên hỗ trợ Nhiệm vụ Đặc biệt và một Chuyên gia Hòa nhập Giáo dục Đặc biệt. Phát triển chuyên môn cho nhân viên được cung cấp liên tục cho toàn bộ nhân viên về các lĩnh vực Phát triển Ngôn ngữ Học thuật, Hướng dẫn Khác biệt, giáo dục đa văn hóa và tích hợp công nghệ. Giáo viên cũng có mặt sau giờ học hoặc trước tiết sinh hoạt lớp để hỗ trợ, còn hoạt động dạy kèm được cung cấp cả trước và sau giờ học. Evergreen Valley sử dụng quy trình Nhóm hỗ trợ Học tập cho Học sinh (SST) để hỗ trợ những học sinh đang gặp khó khăn và cung cấp can thiệp trong lớp học.---

## Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$61,991	\$55,947
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$97,975	\$90,080
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$125,613	\$117,121
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$146,364
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$158,501	\$164,633
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$292,671	\$261,984
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	31%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

## Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	46.3
---	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	0
Tiếng Anh	8
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	5
Toán	23
Khoa học	27
Khoa học Xã hội	31
<b>Tổng số khóa học AP đã cung cấp</b>	<b>94</b>

Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

## Phát triển Chuyên môn

Để đảm bảo một chu kỳ cải tiến liên tục, việc phát triển chuyên môn chú trọng vào “Những lĩnh vực Quan trọng cần Theo dõi” trong các khuyến nghị thẩm định từ Hiệp hội các trường Đại học và Cao đẳng phía tây (WASC) của trường, rồi được chia nhỏ trong Kế hoạch Duy nhất cho Thành tích của Học sinh (SPSA) của trường. EVHS là một Cộng đồng Học tập Chuyên nghiệp, nơi đội ngũ giáo viên được hỗ trợ để họ có thể đạt được những mục tiêu lớn nhất của SPSA. Phát triển Chuyên môn (PD) chú trọng vào nhu cầu của giáo viên để hiểu tốt hơn quá trình Cộng đồng Học tập Chuyên nghiệp (PLC) và nhu cầu của học sinh để giúp đỡ các em phát triển. Phát triển chuyên môn bổ sung tập trung vào việc cổ vũ một trường học lấy mối quan hệ làm trọng, đồng thời thúc đẩy sự công bằng trong mọi lĩnh vực của cuộc sống trường học.

Thứ Tư là ngày hợp tác với khoảng thời gian dành riêng cho việc phát triển chuyên môn của nhân viên. Ngoài ra, “Ngày PD” được lên lịch lồng ghép xuyên suốt năm học để mang lại cơ hội phát triển chuyên môn chuyên sâu. Ngày PD thường có 3 tiếng dành riêng cho việc phát triển nhân viên. Cuối cùng, ngày trước khi bắt đầu năm học và ngày sau khi năm học kết thúc cũng có cấu phần phát triển chuyên môn cho giáo viên. Hai ngày phát triển chuyên môn cũng được tổ chức cho nhân viên trong dịp hè.

Ngoài việc hỗ trợ và dành thời gian cho PLC, giáo viên và nhân viên còn tham gia phát triển chuyên môn phù hợp với lĩnh vực cá nhân của mình và kế hoạch của học khu ở các cấp độ khác nhau. Học khu cũng mang đến nhiều cơ hội phát triển chuyên môn để mở rộng kiến thức của giáo viên, nâng cao kỹ năng quản lý lớp học và nâng cao danh mục các chiến lược giảng dạy tốt nhất.

Ngoài ra, nhiều giáo viên theo học các lớp phát triển chuyên môn ở các trường đại học và cao đẳng địa phương, dự các hội thảo do Santa Clara County Office of Education (Văn phòng Giáo dục Quận Santa Clara) tổ chức. Hợp nhập môn và định hướng cho giáo viên mới để hỗ trợ các nhà giáo mới. Giáo viên dạy Bồi dưỡng Nâng cao và Tiến lên bằng Quyết tâm Cá nhân (AVID) còn tham dự khóa tập huấn mùa hè cho các khóa học này.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên</b>	39	43	40